TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **336**/2025/DS-ST
Ngày 10-9-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**
Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P. Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T, số A đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thảo N - Sinh năm 1985; địa chỉ: Số B đường N, phường H, TP Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền số 256/2025/UQ-OCB ngày 25/6/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Lê Quang V - Sinh năm 1985. Địa chỉ: Số B đường L, tổ G, phường H, TP Đà Nẵng (phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng cũ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P – đại diện theo ủy quyền là bà Dương Thị Thảo N trình bày:**

Ngày 12/5/2022, Ngân hàng TMCP P – Trung tâm bán hàng qua điện thoại Hồ Chí Minh 3 (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Lê Quang V đã ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ số: 22019043/2022. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho ông Trần Lê Quang V mở thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng), lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng thẻ trên.

Từ thời điểm nhận thẻ cho đến nay ông Trần Lê Quang V đã liên tiếp vi phạm các kỳ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 05/12/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Trần Lê Quang V và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã có nhiều văn bản nhắc nợ và có rất nhiều buổi làm việc, cũng như đã tạo điều kiện cho ông Trần Lê Quang V trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng nhưng mọi thiện chí của Ngân hàng đều không được ông đáp trả. Tạm tính đến ngày 10/09/2025, dư nợ của ông Trần Lê Quang V tại Ngân hàng TMCP P là:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Nợ lãi: 244.852.223 đồng (Lãi trong hạn: 31.521.677 đồng, lãi quá hạn: 213.330.546 đồng)

Nợ phí: 0 đồng

Tổng cộng: 444.852.223 đồng.

+ Tiền Lãi được tính trên cơ sở 01 năm là 365 ngày.

Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365.

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 33%/Năm.

- Thay đổi lãi suất: Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Nhận thấy, thiện chí của Ngân hàng đối với khách hàng đã không còn, ông Trần Lê Quang V đã vi phạm các điều khoản được quy định tại Hợp đồng thẻ tín dụng số 22019043/2022, không có thiện chí hợp tác với Ngân hàng Ngân hàng trong việc trả nợ.

Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng TMCP P kính đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng xem xét, giải quyết và buộc ông Trần Lê Quang V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

1. Buộc ông Trần Lê Quang V phải hoàn trả dứt điểm Thẻ Tín Dụng cho Ngân hàng Ngân hàng được thể hiện trong Hợp đồng thẻ tín dụng số 22019043/2022 làm 01 lần trong thời gian sớm nhất với tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 444.852.223 đồng. Trong đó bao gồm:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng

Nợ lãi: 244.852.223 đồng (Lãi trong hạn: 31.521.677 đồng, lãi quá hạn: 213.330.546 đồng)

Nợ phí: 0 đồng

Tổng cộng: 444.852.223 đồng.

2. Buộc ông Trần Lê Quang V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*** Bị đơn là ông Trần Lê Quang V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Lê Quang V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến ngày 10/9/2025 là 444.852.223 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 244.852.223 đồng (Lãi trong hạn: 31.521.677 đồng, lãi quá hạn: 213.330.546 đồng). Buộc ông Trần Lê Quang V tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP P với bị đơn ông Trần Lê Quang V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn ông Trần Lê Quang V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Trần Lê Quang V vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Trần Lê Quang V.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

[2.1] Giữa ông Trần Lê Quang V và Ngân hàng TMCP P có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 22019043/2022 ngày 12/5/2022; hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 33%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP P và ông Trần Lê Quang V có hiệu lực pháp luật theo Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự và buộc các bên phải thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

[2.2] Ông Trần Lê Quang V đã thực hiện giao dịch trong hạn mức tín dụng được cấp nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP P đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Trần Lê Quang V kể từ ngày 05/12/2023 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ gốc) sang nợ quá hạn. Đồng thời, Ngân hàng TMCP P khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Lê Quang V thanh toán nợ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với lãi suất áp dụng, căn cứ bảng tính lãi do Ngân hàng TMCP P cung cấp và theo sự thỏa thuận của các bên tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng xét thấy mức lãi suất là phù hợp với các quy định của pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 14, Điều 17 Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền ông Trần Lê Quang V còn nợ tính đến ngày 10/9/2025 là 444.852.223 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 244.852.223 đồng (lãi trong hạn: 31.521.677 đồng, lãi quá hạn: 213.330.546 đồng). Ngoài ra, ông Trần Lê Quang V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 11/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Bị đơn, ông Trần Lê Quang V mặc dù đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP P, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều

92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Trần Lê Quang V nợ Ngân hàng TMCP P là có cơ sở.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ thanh toán là 444.852.223 đồng: 20.000.000 đồng + 44.852.223 đồng x 4% = 21.794.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 15 Điều 4; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024;

- Nghị định 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

- Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N1 về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P đối với ông Trần Lê Quang V về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*.

Buộc ông Trần Lê Quang V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2025 là 444.852.223 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn hai trăm hai mươi ba đồng); trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi: 244.852.223 đồng (Lãi trong hạn: 31.521.677 đồng, lãi quá hạn: 213.330.546 đồng).

Ông Trần Lê Quang V phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 22019043/2022 ngày 12/5/2022 kể từ ngày 11/9/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Lê Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.794.000 đồng (Hai mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi tư ngàn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 1à 8.014.214 đồng (Tám triệu không trăm mười bốn ngàn hai trăm mười bốn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000363 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh